ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2070/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 03 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2506/QĐ-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính *(TTHC)* được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Danh mục TTHC cấp tỉnh:

- TTHC sửa đổi, bổ sung: 01 TTHC.

2. Nội dung cụ thể của TTHC.

3. Quy trình nội bộ và điện tử đối với TTHC.

4. Danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa đối với TTHC.

(Có phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 1 Danh mục TTHC, Phụ lục 2. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa; quy trình nội bộ, điện tử đối với TTHC cấp tỉnh).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Công Thương chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trang thông tin điện tử của đơn vị theo đúng quy định đối với TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết.

2. Giao Sở Công Thương cập nhật nội dung TTHC, quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐVP, TTPVHCC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Đ).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Phạm Thành Ngại

Phụ lục 1
DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI											
1.	1.014692	Thủ tục Chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác			x		x	x			x	UBND tỉnh

Phụ lục 2

NỘI DUNG, THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC CẦN PHẢI SỐ HÓA; QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TTHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Thủ tục Chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác - 1.014692

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập gửi 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ đến Sở Công Thương theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo hồ sơ của tổ chức, cá nhân gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản trả lời gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định việc cấp phép theo quy định và gửi thông tin về việc cấp phép cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cập nhật giấy phép trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trường hợp không cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 13 - số điện thoại 0273.3993889, Sở Công Thương tại địa chỉ số 377, đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 14 - số điện thoại 02773.898958, lĩnh vực Công Thương tại địa chỉ số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân: 01 bản chính theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (khổ A4).

3. Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do nhà sản xuất cung cấp 01 bản sao hợp lệ.

4. Danh mục các trang bị, thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

5. Hồ sơ hoặc tài liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, trừ trường hợp tạm xuất tái nhập.

6. Trường hợp nhập khẩu theo hình thức ủy thác phải có văn bản, thỏa thuận giữa bên ủy thác và nhận ủy thác; bên ủy thác nhập khẩu phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

7. Trường hợp các tổ chức, cá nhân, người nước ngoài đã tích hợp các thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin trên môi trường điện tử thì không cần các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

b) Số lượng hồ sơ*:* 01 bộ.

(5) Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

- 06 ngày làm việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- 05 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

(9) Lệ phí: Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo Mẫu số 01, Mẫu số 01a Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Không bị xử lý hình sự liên quan đến các hành vi sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay khác để gây hại tới quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội và an toàn bay.

- Không có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 ngày 27/11/2024.

- Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết TTHC và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

- Thông tư số 39/2025/TT-BQP ngày 05/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

- Quyết định số 2506/QĐ-BQP ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý vùng trời thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: tại mục (8)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC:

a) Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ

và hợp lệ

- 06 ngày làm việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- 05 ngày làm việc cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Quy trình nội bộ và điện tử: 88 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương (tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh)	01 giờ
2	Giải quyết hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)* + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ 11 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	06 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	02 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
6	Thẩm tra hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
7	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
9	Phê duyệt công văn lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển văn bản đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
11	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trả lời văn bản gửi UBND tỉnh (đồng gửi Sở Công Thương)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	40 giờ
12	Giải quyết hồ sơ: sau khi nhận trả lời của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, chuyên viên giải quyết hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng xử lý	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	05 giờ
13		Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	02 giờ
14	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	02 giờ
15	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
16	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
17	Thẩm tra hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	05 giờ
18	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
19	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
20	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
21	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
22	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	Không tính thời gian

- Trường hợp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức chuyển đến Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương (TT PVHCC tỉnh)	Trung tâm PVHCC cấp xã, phường hoặc nơi được giao tiếp nhận	01

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
2	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng Quản lý thương mại thuộc Sở Công Thương	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	01 giờ
3	Giải quyết hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)* + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, dự thảo văn bản trả lời, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (trong thời hạn 03 ngày làm việc) + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ 11 ngày làm việc)	Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	01 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	05 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	02 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
7	Thẩm tra hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
8	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
10	Phê duyệt công văn lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển văn bản đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
12	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trả lời văn bản gửi UBND tỉnh (đồng gửi Sở Công Thương)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	40 giờ
13	Giải quyết hồ sơ: sau khi nhận trả lời của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, chuyên viên giải quyết hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng xử lý	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại	05 giờ
14		Lãnh đạo Phòng Quản lý thương mại	02 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
15	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	02 giờ
16	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
17	Tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương, chuyển đến Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
18	Thẩm tra hồ sơ	Chuyên viên Phòng Chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	05 giờ
19	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
20	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
21	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
22	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ của Sở Công Thương	Văn thư và Bộ phận TN và TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
23	Chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC cấp xã hoặc nơi được giao tiếp nhận	Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương	01 giờ
24	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm PVHCC cấp xã, phường hoặc nơi được giao tiếp nhận	Không tính thời gian

Mẫu số 01
Ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ

(1) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*……, ngày … tháng … năm 20……*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Nhập khẩu *(2)* ……..

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Tháp

Tên thương nhân
…….....…..
Địa chỉ trụ sở chính:
……...……..….. Điện thoại:
…….. Email: ……....…….. Người đại diện …….....…. chức danh …….……
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) số: …….. do …… cấp ngày ….. tháng …… năm ……..
Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
1. Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp phép nhập khẩu ***(1)***....., thông tin cụ thể như sau:

- Tên loại hàng hóa, mã HS
- Số lượng:
- Nhà sản xuất *(hoặc quốc gia)*
- Model
- Trọng lượng cất cánh tối đa *(áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)*
- Tần số làm việc của thiết bị *(nếu có)*
- Thời gian bay liên tục cho 01 lần bay *(áp dụng đối nhập khẩu với tàu bay)*
- Đáp ứng tiêu chuẩn: ***(3)***.....
- Mục đích sử dụng: .....

2. Hồ sơ kèm theo: ***(4)*** .....

(tên của Cơ sở) xin cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích và chấp hành đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Sở Công Thương;
- Lưu: ……..

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

Hướng dẫn

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan đề nghị nhập khẩu.

(2) "Nhập khẩu,... (tên loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác *hoặc* động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

(3) Các tiêu chuẩn tàu bay không người lái và phương tiện bay khác đáp ứng.

(4) Hồ sơ kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (khổ A4).

3. Bảng thông số kỹ thuật của tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao).

4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

- Chứng nhận xuất xứ sản phẩm, Chứng nhận chất lượng hàng hoá (nếu có).

Mẫu số 01a
Ban hành kèm theo Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …….	*……, ngày ... tháng ... năm 20……*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập …….

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Tên tổ chức (hoặc thương nhân): …….
- Địa chỉ trụ sở chính: ... Số điện thoại: ... số fax: ...
- Địa chỉ website (nếu có): …….
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm...
- Mã số tạm nhập, tái xuất (nếu có):...

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác:

STT	Mặt hàng	Mã HS	số lượng	Tiêu chuẩn đáp ứng

- Công ty nước ngoài bán hàng: …….

+ Theo hợp đồng nhập khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...

+ Cửa khẩu nhập hàng: ……

- Công ty nước ngoài mua hàng: …….

+ Theo hợp đồng xuất khẩu số ... ngày ... tháng ... năm ...

+ Cửa khẩu xuất hàng: ……..

Tổ chức (Thương nhân) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa./.

Nơi nhận: - Như trên; - Sở Công Thương; - Lưu: ……..	**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(Ký tên, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)*

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân (không cần nộp bản sao nếu các giấy tờ nêu trên đã được cập nhật trên các cơ sở dữ liệu dùng chung).

2. Hình ảnh tổng quan và ảnh ký hiệu, số xuất xưởng (nếu có) của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (khổ A4) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.

3. Bảng thông số kỹ thuật của từng loại tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác do nhà sản xuất cung cấp (bản sao) đối với trường hợp tạm nhập tái xuất.

4. Danh mục các trang thiết bị riêng lẻ cấu thành tàu bay không người lái, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

5. Hồ sơ (hoặc tài liệu) về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.